

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2019

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**

Hội thẩm nhân dân: 1/ **Bà Nguyễn Thị Thanh Hà**

2/ **Bà Hoàng Thị Lợi.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Hoàng Thu Thảo.**

Cán bộ Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:

Bà Cao Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 181/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXX ngày 06/5/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2019. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Th** - Sinh năm 1992; Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Nơi ở: Xóm 8, thôn N, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: **Anh Lê Phú Q** - Sinh năm 1993; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2019, các lời khai bổ sung tại Tòa án, Chị Nguyễn Thị Th - nguyên đơn trình bày:**

- Về tình cảm: Chị và anh Lê Phú Q đăng ký kết hôn ngày 20/9/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi lấy nhau vợ chồng sống chung với bố mẹ chồng tại thôn Đ, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Hai vợ chồng anh, chị phát sinh mâu thuẫn từ ngay sau khi cưới. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q không chịu đi làm, thường xuyên ra ngoài chơi bời và nợ nần nhiều bên ngoài. Chị Th đã nhiều lần trả nợ cho anh Q và khuyên bảo chồng nhưng anh Q không thay đổi dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi lẫn nhau. Đến ngày 25/12/2018 do mâu thuẫn căng thẳng chị Th đã về nhà mẹ đẻ ở, hai vợ chồng ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng được ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Chị Th, anh Q có 01 con chung là Lê Minh T, sinh ngày 19/2/2018. Hiện tại cháu T đang ở với ông bà nội và anh Q, thỉnh thoảng chị Th có về nhà thăm con. Ly hôn chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Hiện nay chị Th có một cửa hàng trang điểm, chụp ảnh cưới, thu nhập bình quân khoảng 15.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Anh Lê Phú Q - Bị đơn:**

Tòa án đã triệu tập anh Q đến Tòa án nhiều lần, anh Q không đến. Tòa án đã tiến hành đến lấy lời khai trực tiếp của anh Q, nhưng anh Q thường xuyên không có nhà và từ chối cung cấp lời khai cho Tòa án. Do đó không có lời khai của anh Q.

Tại phiên tòa:

+ Chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Lê Phú Q vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, hai vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai.

Về con chung: Chị Th, anh Q có 01 con chung là Lê Minh T, sinh ngày 19/2/2018. Hiện tại cháu T đang ở với anh Q và ông bà nội. Ly hôn chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Hiện nay chị Th có một cửa hàng trang điểm, chụp ảnh cưới, thu nhập bình quân khoảng 15.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Anh Lê Phú Q đã được tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa anh Q vẫn vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án theo

qui định của pháp luật.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự mà pháp luật quy định. Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà hôm nay nguyên đơn đã chấp hành tốt pháp luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì, bị đơn không chấp hành pháp luật, cố tình chống đối, gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của chị Th tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Phú Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp.

Anh, chị kết hôn từ tháng 9/2017, ngay sau khi kết hôn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q ham chơi bời, nợ lẩn nhiều bên ngoài dẫn đến vợ chồng thường xuyên chửi bới lẫn nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn giữa anh, chị không giải quyết được, hiện tại anh chị đã sống ly thân.

Bố mẹ đẻ anh Q là ông Lê Phú H và bà Hoàng Thị V cùng chính quyền địa phương cũng xác nhận anh chị có mâu thuẫn từ ngay sau khi kết hôn xong do anh chị không hợp nhau, ngoài ra những mâu thuẫn khác thì gia đình và địa phương không nắm được do thời gian anh chị chung sống chưa lâu. Gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Th là có căn cứ.

Về con chung: Chị Th, anh Q có 01 con chung Lê Minh T, sinh ngày 19/2/2018. Hiện tại cháu T dưới 36 tháng tuổi. Ngoài ra chị Th có thu nhập bình quân khoảng 15.000.000đ/tháng do vậy nên đề nghị giao con cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung của chị Th.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th đối với anh Lê Phú Q.

Giao cháu Lê Minh T, sinh ngày 19/2/2018 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung của chị Th.

Chị Th không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Phú Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 20/9/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị Th có đơn xin ly hôn với anh Q, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

[1.2] Anh Lê Phú Q có hộ khẩu thường trú và cư trú tại Thôn Đ, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Q đến Tòa án để lấy lời khai, anh Q đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh Q cố tình chống đối không đến Tòa án và từ chối không cung cấp lời khai, không có ý kiến gì và cũng không nộp bất cứ một tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh Q Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa anh Q vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy Hội đồng tiến hành xét xử vụ án là hoàn toàn đúng và phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Phú Q phát sinh mâu thuẫn từ ngay sau khi kết hôn, nguyên nhân chủ yếu do anh Q ham chơi và nợ lẩn nhiều bên ngoài dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi chửi lẫn nhau và kết quả là hiện nay anh, chị đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Theo cung cấp của gia đình và chính quyền địa phương thì chị Th và anh Q lấy nhau hoàn toàn là tự nguyện và không bị ép buộc, anh chị phát sinh mâu thuẫn từ ngay sau khi kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh chị không hợp nhau, ngoài ra gia đình và chính quyền địa phương không nắm được những mâu thuẫn khác do thời gian anh chị chung sống không lâu. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị Th nộp đơn xin ly hôn anh Q đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Th và anh Qn là có thực, thời gian anh chị sống chung không nhiều, anh chị đã sống ly thân đã lâu, anh chị không có biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn và cải thiện quan hệ vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc chị Th xin ly hôn anh Q là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo

quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Th, anh Q có 01 con chung Lê Minh T, sinh ngày 19/2/2018. Hiện tại cháu T đang ở với anh Q và ông bà nội.

Xét về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung: Chị Th hiện nay đang mở cửa hàng trang điểm và chụp ảnh cưới tại nhà, thu nhập bình quân 15.000.000 đồng/tháng và hiện đang ở tại nhà bố mẹ đẻ chị Th tại thôn N, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Cháu Lê Minh T hiện nay 16 tháng tuổi (dưới 36 tháng tuổi) và là con gái nên rất cần có sự chăm sóc dạy dỗ của người mẹ. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống cho cháu Lê Minh T cũng như bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Lê Minh T cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có đủ căn cứ và phù hợp qui định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung của chị Th, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q cho đến khi chị Th có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th.

Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Lê Phú Q.

2. Về con chung: Xác nhận Nguyễn Thị Th và anh Lê Phú Q có 01 con chung là Lê Minh T, sinh ngày 19/2/2018.

Giao 01 con chung Lê Minh T cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung của chị Th, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q cho đến khi chị Th có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2017/0008249 ngày 16/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Xác nhận chị Th đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Chị Nguyễn Thị Th có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Phú Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Đông Anh;
- THA H. Đông Anh;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- UBND xã T, H. Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Huyền

